

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KV - HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 29/01/2026

"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KV - HƯNG YÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh N.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Văn N1;
2. Bà Vũ Thị T.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị P - Thư ký Tòa án nhân dân KV – Hưng Yên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân KV – Hưng Yên tham gia phiên tòa:*
Bà Lê Thị H - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân KV – Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 166/2025/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2025 về “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn C, xã H, tỉnh Hưng Yên.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1994.

HKTT: Thôn H, xã T, tỉnh Hưng Yên.

Hiện đang sống tại: Gifu Ken Ibi Gun Ikeda Chou Hongou 169 Banchi Viregge Vanngado B102, Nhật Bản.

(Đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1974. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn C, xã H, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn anh Trần Văn T trình bày:

Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị H tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện T, tỉnh Hưng Yên(nay là xã H, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 18/12/2022 theo quy định của pháp luật. Anh chị sống hạnh phúc, vui vẻ được 02 năm thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do khác biệt về tính cách nên anh chị không thể hòa hợp, không có tiếng nói chung, không thống nhất được quan điểm về mọi vấn đề trong cuộc sống, anh chị không bàn bạc được trong công việc nên vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi. Anh T và chị H đã cùng nhau trao đổi để vợ chồng có thể chia sẻ, tự hòa giải hy vọng có một gia đình hạnh phúc nhưng vẫn không có kết quả tích cực, quan điểm bất đồng, mạnh ai người đó làm. Mâu thuẫn của anh chị cũng được gia đình khuyên bảo hòa giải nhưng vẫn không duy trì được hạnh phúc. Đến năm 2024 thì chị H đi xuất khẩu lao động ở Nhật Bản và anh chị sống ly thân từ đó cho tới nay. Thỉnh thoảng chị H có về Việt Nam nhưng cũng không về sống với gia đình anh T nữa. Hiện tại chị H lao động tự do chuyên ngành phân tích được phẩm và công ty nào thuê thì chị H làm chứ không cố định tại công ty nào. Đến nay chị H vẫn cư trú tại Nhật Bản. Anh T có trao đổi động viên chị H về để vợ chồng có thể chia sẻ xây dựng hạnh phúc nhưng do không hòa hợp được nên anh chị vẫn việc ai người đó làm. Lâu dần anh chị không còn tình cảm với nhau. Vợ chồng mỗi người một pH nên không thể duy trì mối quan hệ tốt đẹp.

Anh chị đều xác định không còn tình cảm với nhau nên đều muốn kết thúc hôn nhân không có hạnh phúc. Chính vì vậy chị H mới sắp xếp công việc ở Nhật Bản để về giải quyết việc ly hôn. Anh T đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh và chị Nguyễn Thị H.

- Về con chung: Anh chị không có con chung.
- Về tài sản; Về công sức, công nợ, ruộng canh tác: Không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.
- Về án phí: Anh T tự nguyện chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Bản tự khai và lời khai của chị Nguyễn Thị H trong quá trình giải quyết vụ án: Chị H thống nhất với anh T về thời điểm kết hôn, nơi đăng ký kết hôn cũng như thời gian và nguyên nhân mâu thuẫn. Trong cuộc sống anh chị ít chia sẻ với nhau, chưa thực sự thông cảm và hiểu nhau, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, cả hai đã rất cố gắng nhưng vẫn không thể hòa hợp, cuộc sống tẻ nhạt. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng chị H và anh T vẫn không thể sống chung với nhau trên vỏ bọc hòa thuận khi mà cả hai không hợp nhau. Do cuộc sống vợ chồng không mang lại niềm vui hạnh phúc cho nhau nên chị H đã sang nước Nhật sinh sống và làm việc tại đó đến nay chị H vẫn cư trú tại Nhật bản. Do hôn nhân của anh chị chỉ tồn tại trên danh nghĩa nên khi anh T trao đổi về vấn đề ly hôn với chị, chị H xét thấy cả hai đã không còn tình cảm với nhau thì ly hôn là giải pháp tốt nhất nên chị đã về Việt Nam để giải quyết việc ly hôn với anh T.

Chị xác định anh chị đã sống ly thân từ năm 2024 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, việc ai người đó làm, kinh tế độc lập, hôn nhân không có hạnh phúc, cuộc sống chung không thể kéo dài. Chị H đề nghị Tòa án nhân dân KV - Hưng Yên giải quyết cho chị và anh T được ly hôn.

- Về con chung: Anh chị không có con chung với nhau.
- Về tài sản, công sức, công nợ, ruộng canh tác: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị H có quan điểm: Do điều kiện của chị hiện đang sống và làm việc tại Nhật Bản, công việc bận, điều kiện đi lại và thời gian khó khăn. Hơn nữa chị và anh T cũng nhất trí với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên chị có đơn đề nghị không không tiến hành tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đơn đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết, xét xử vụ án vắng mặt chị tại tất cả các các giai đoạn của vụ án.

Chị H cũng đề nghị Tòa án không phải gửi các văn bản liên quan đến việc giải quyết vụ án cho chị mà có thể thông báo cho tôi theo số điện thoại 818094345973 hoặc có thể chụp rồi gửi các văn bản, bản án, quyết định liên quan đến vụ án ly hôn giữa anh T và chị qua Zalo Tên Nguyễn Thị H (Zalo là số điện thoại 818094345973).

Xác minh tại UBND xã H, tỉnh Hưng Yên thể hiện: Anh T và chị H có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã D, huyện T, tỉnh Hưng Yên (nay là xã H, tỉnh Hưng Yên) vào ngày 18/12/2022. Theo Ủy ban nhân dân xã cung cấp: Sau khi kết hôn chị H không sống tại địa phương nên anh T, chị H có mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không nắm được. Anh T có HKTT và sống tại địa phương, hiện tại chị H sinh sống tại nước ngoài. Nay anh Trần Văn T có đơn xin ly hôn với chị Nguyễn Thị H, quan điểm của UBND xã H, tỉnh Hưng Yên là đề nghị Tòa án căn cứ quy định pháp luật để giải quyết vụ án.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị H1 trình bày: Anh T và chị H kết hôn là tự nguyện. Trước và sau khi kết hôn thì chị H vẫn sống và làm việc tại Nhật Bản nên kết hôn xong anh T, chị H cũng không có thời gian gần gũi để duy trì tình cảm với nhau. Nay anh T, chị H đã xác định hôn nhân không có hạnh phúc nên đã thống nhất ly hôn. Quan điểm của bà H1: Anh T, chị H không thể mang lại hạnh phúc cho nhau nên ly hôn cũng là giải thoát tốt nhất để anh T, chị H sớm ổn định cuộc sống.

Ngày 29/10/2025, Tòa án nhân dân KV - Hưng Yên mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do chị H có đơn xin vắng mặt trong các giai đoạn giải quyết vụ án. Anh T và chị H đều có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vì chị H có lý do công việc bận ở Nhật Bản không thể tham gia hòa giải được.

Tại phiên toà hôm nay: Nguyên đơn anh Trần Văn T và bị đơn chị Nguyễn Thị H đều có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Chủ tọa phiên tòa công bố các lời khai của đương sự và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

* Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân KV Hưng Yên:

- Về điều luật: Căn cứ Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, 238, 469 và Điều 477 BLTTDS; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán - Tòa án nhân dân tối cao, đề nghị Tòa án giải quyết theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận sự thuận tình ly hôn của anh T và chị H.

- Về con chung: Không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chấp nhận sự tự nguyện của anh T chịu toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Trần Văn T yêu cầu giải quyết ly hôn với chị Nguyễn Thị H có HKTT tại xã T, tỉnh Hưng Yên đang học tập và công tác tại Nhật Bản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân KV Hưng Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025.

Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, đó là ý trí tự nguyện của anh T, chị H nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị H đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện T, tỉnh Hưng Yên (nay là xã H, tỉnh Hưng Yên) theo giấy chứng nhận kết hôn số 55 ngày 18/12/2022 trên cơ sở tự nguyện, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Anh chị sống hạnh phúc, vui vẻ được 02 năm thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị ít chia sẻ với nhau và chưa thực sự thông cảm và hiểu nhau, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Anh chị đã rất cố gắng nhưng vẫn không thể hòa hợp. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng anh chị vẫn không duy trì một hôn nhân trên danh nghĩa khi mà cả hai không hợp nhau. Anh chị không mang lại niềm vui hạnh phúc cho nhau nên chị H sang nước Nhật sinh sống và làm việc tại đó. Hiện chị H vẫn cư trú tại Nhật Bản. Anh chị đều xác định không còn tình cảm với nhau nên đều muốn kết thúc hôn nhân không có hạnh phúc. Do anh chị đã thống nhất được các quan điểm nên chị H đã sắp xếp công việc ở Nhật Bản để về Việt Nam

giải quyết việc ly hôn. Anh T và chị H đều đồng ý ly hôn. HĐXX nhận thấy mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, anh chị đều đồng ý ly hôn nên HĐXX sẽ áp dụng khoản 1 điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán - Tòa án nhân dân tối cao: Công nhận sự thuận tình ly hôn của anh T và chị H.

[3]. Về con chung: Anh chị đều xác định không có con chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, công sức; nợ nần: Anh T, chị H đều xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chấp nhận sự tự nguyện chịu toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn của anh T.

Anh Trần Văn T phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

[6]. Quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân KV – Hưng Yên tại phiên toà về các vấn đề cần giải quyết trong vụ án là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Điều 55, 57 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238, 271, 273, 469, 477, 478 và Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán - Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị H.

- *Về con chung:* Anh T và chị H không có con chung nên không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Anh T, chị H xác định không có nên không xem xét giải quyết.

- *Về án phí:* Anh Trần Văn T tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/25E số

0001979 ngày 10/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên. Hoàn trả anh Trần Văn T 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Báo cho các đương sự biết, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND KV – Hưng Yên;
- THADS tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã H, tỉnh Hưng Yên
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh N

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Văn Ngà

Vũ Thị Toan

